

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Phần chương trình dạy học)

(Ban hành kèm quyết định 117/QĐ-ĐHGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh)

I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu chung

Tên ngành chương trình (Tiếng Anh)	QUẢN LÝ CẢNG VÀ LOGISTICS (Port management and logistics)
Ngành đào tạo	KHOA HỌC HÀNG HẢI (Nautical Science)
Mã ngành	7840106
Trình độ đào tạo	Đại học
Thời gian đào tạo	4 năm
Tổng số tín chỉ	120 tín chỉ <i>(Không bao gồm: Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Giáo dục thể chất, kỹ năng mềm, kiến thức bổ trợ khác)</i>

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý cảng và logistics được xây dựng và triển khai nhằm mục tiêu đào tạo kỹ sư/cử nhân ngành Khoa học hàng hải có phẩm chất chính trị vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp; nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chuyên ngành Quản lý cảng và logistics, đáp ứng các yêu cầu về nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ trong vận hành, khai thác, quản lý cảng biển, trung tâm logistics, cảng cạn, chuỗi cung ứng, vận tải,... và các ngành nghề khác.

- Sinh viên được cung cấp kiến thức cơ bản về lĩnh vực vận tải biển, kiến thức chuyên sâu ngành khoa học hàng hải, khả năng xây dựng mô hình và áp dụng các kiến thức được đào tạo vào thực tiễn. Có khả năng tham mưu tư vấn và có khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi quyền hạn của một cử nhân trong lĩnh vực cảng biển và logistics.

2.2 Mục tiêu cụ thể

2.2.1 Về kiến thức

2.2.1.1 Kiến thức chung

- Có hiểu biết về Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản về pháp luật, các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chương trình đào tạo.

- Có kiến thức cơ bản về toán học và khoa học tự nhiên; Có khả năng vận dụng chúng vào việc tiếp cận khai thác các thông tin và kiến thức mới; Có khả năng sử dụng khoa học cơ bản vào nghiên cứu và phát triển học thuật.

- Có kiến thức cơ bản về Quốc phòng - An ninh, Thể thao, có tác phong quân sự, có tinh thần sẵn sàng phục vụ trong các lực lượng vũ trang để bảo vệ Tổ quốc.

2.2.1.2 Kiến thức chuyên ngành

- Trang bị kiến thức cơ sở ngành về khoa học hàng hải, làm nền tảng triển khai các dự án, tạo tiền đề cho nghiên cứu các lĩnh vực chuyên ngành và học tập nâng cao.

- Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo: phát triển & khai thác cảng, vận tải quốc tế & logistics và quản lý chuỗi cung ứng, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho thị trường

- Nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp liên quan đến ngành nghề. Những môn học thực hành do giảng viên có năng lực, trình độ ngoại ngữ tốt giảng dạy, sinh viên được tiếp xúc với những chuyên gia trong ngành quản lý cảng và logistics nhằm nâng cao kiến thức và kinh nghiệm thực tế.

- Sinh viên có khả năng xây dựng kế hoạch khai thác cảng, mô hình quản lý cảng, phương án vận tải đa phương thức, quản trị logistics,... và các lĩnh vực khác liên quan tới ngành được đào tạo.

2.2.2 Về kỹ năng

Trang bị cho người học tư duy sáng tạo và khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có thể thích ứng với sự thay đổi và phát triển của khoa học công nghệ trong lĩnh vực ngành nói chung và chuyên ngành nói riêng.

2.2.3 Về mức tự chủ và trách nhiệm

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, tư cách và sức khỏe tốt, nắm vững và thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đúng với định hướng của Đảng, Chính phủ trong chiến lược phát triển ngành và phù hợp với Quy hoạch đào tạo Nguồn nhân lực ngành Giao thông vận tải; từng bước hội nhập với giáo dục đại học khu vực và quốc tế..

Có tính thần học tập, không ngừng trau dồi kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp;

Có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp và trách nhiệm với cộng đồng.

2.3 Định hướng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp

- Các ngành nghề sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhiệm:

Có thể công tác tại các doanh nghiệp làm dịch vụ cảng biển, cảng sông cụ thể các chuyên môn: kế hoạch kinh doanh, kiểm toán, pháp chế, kỹ thuật – vật tư,

Có thể làm việc tại các doanh nghiệp cảng biển, cảng sông, ICD, trung tâm logistics.

Có thể làm việc trong các doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp làm dịch vụ vận tải đa phương thức nói riêng và các doanh nghiệp dịch vụ vận tải, giao nhận nói chung.

Các phòng ban nghiệp vụ phù hợp chuyên môn gồm: kế hoạch, khai thác, marketing, dịch vụ khách hàng, kinh doanh quốc tế, kho vận, cung ứng vật tư, kế toán, phân phối, pháp chế, điều độ cảng,...

Có thể đảm nhiệm chức danh quản lý các cấp tại các doanh nghiệp và tổ chức liên quan đến logistics và vận tải.

Có thể công tác trong các cơ quan nhà nước có liên quan tới cảng biển, giao thông vận tải, nguồn nhân lực, thuế,...

Có khả năng giảng dạy các môn học chuyên môn ở các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề có mở chuyên ngành liên quan.

Có thể tham gia vào thị trường lao động quốc tế trong lĩnh vực liên quan đến chuyên môn.

- Yêu cầu kết quả thực hiện công việc: Tiếp tục học tập nâng cao trình độ các bậc học sau đại học ở các lĩnh vực tổ chức và quản trị logistics và vận tải đa phương, quản trị kinh doanh trong nước và quốc tế, các môn về khoa học hàng hải. Có khả năng thực hiện tốt các công việc được đào tạo, đảm nhận được các vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo mà doanh nghiệp, cơ quan tuyển dụng không cần đào tạo thêm.

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Chuẩn đầu ra theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg, phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam gồm:

Ký hiệu	Chủ đề chuẩn đầu ra	TĐNL
1	Kiến thức	
PLO1	Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, pháp luật đại cương vào hoạt động học tập, đời sống và phù hợp với chuyên ngành đào tạo	3

PLO2	Áp dụng toán học ứng dụng trong quản lý kinh tế như xác suất và thống kê, phương pháp toán trong quản lý kinh tế,... để đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.	3
PLO3	Vận dụng kiến thức nền tảng của các học phần thuộc cơ sở khối ngành và cơ sở ngành để thu thập, tổng hợp, phân tích các chỉ tiêu liên quan đến hoạt động quản lý cảng, dịch vụ logistics phục vụ cho công tác dự báo, lập kế hoạch, ra quyết định liên quan đến, kế hoạch khai thác cảng, quản lý kinh tế cảng, trang thiết bị cảng, giao thông cảng, vận tải đa phương thức, logistics và chuỗi cung ứng.	4
PLO4	Tham gia tổ chức hoạt động doanh nghiệp về quản trị cảng, logistics, vận tải đa phương thức và quản trị chuỗi cung ứng.	4
PLO5	Tổng hợp và áp dụng các chế độ pháp lý cảng, vận tải, các quy định và cơ sở pháp lý về hợp đồng, khiếu nại, bảo hiểm liên quan đến hoạt động dịch vụ để giải quyết các vấn đề phát sinh trong doanh nghiệp	4
PLO6	Áp dụng thành thạo kiến thức cơ bản về bảo hiểm để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến bảo hiểm	4
PLO7	Tham gia lập kế hoạch dự báo nhu cầu khách hàng, tổ chức khai thác, kinh doanh, và tham gia thực hiện phân tích thị trường.	4
2	Kỹ năng	
PLO8	Thực hiện thành thạo nghiệp vụ quản lý cảng (quản trị khai thác trang thiết bị cảng biển, khai thác kho hàng, logistics cảng biển, kinh tế cảng, kế hoạch điều độ,...) và logistics (giao nhận vận tải, khai báo hải quan, tham gia soạn thảo hợp đồng, nghiệp vụ kho hàng...)	4
PLO9	Đàm phán, xử lý tình huống và giải quyết xung đột trong kinh doanh thông qua việc giao tiếp hiệu quả bằng văn bản, thuyết trình, làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm.	4
PLO10	Áp dụng thành thạo công nghệ thông tin trong thiết kế, tổ chức và vận hành và kiểm soát dòng thông tin trong	4

	cảng và lĩnh vực hàng hải cùng với chuỗi hoạt động logistics.	
PLO11	Tham gia tổ chức thực hiện điều phối các dịch vụ cảng, logistics.	4
PLO12	Tổng hợp báo cáo kết quả trong công việc, thiết kế, vận hành các khu vực trong cảng, mạng lưới giao thông cảng, mạng lưới Logistics và chuỗi cung ứng cho doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh.	4
PLO13	Truyền đạt, giải quyết vấn đề và ra quyết định; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng tới người khác tại nơi làm việc trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	4
PLO14	Nhận thức được nhu cầu, tự học, tự nghiên cứu qua sách vở, các tài liệu chuyên ngành, khai thác và sử dụng tốt các nguồn tài nguyên thông tin và có thể giao tiếp tốt.	1
3	Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
PLO15	Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	5
PLO16	Hình thành ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, làm việc nhóm, làm việc độc lập và khả năng tự học	2
PLO17	Làm việc khoa học, tư duy sáng tạo, phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh, biết tổng hợp, đánh giá và đúc kết kinh nghiệm	5
PLO18	Đưa các sáng kiến có giá trị, thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế, đưa ra được những đề xuất với luận cứ khoa học và thực tiễn	5

III. CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT

Định hướng chương trình khung của trường như sau:

1. Kiến thức khoa học cơ bản: 20 tín chỉ

- Bắt buộc: 20 tín chỉ
- Tự chọn: 0 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	<i>Toán và Khoa học tự nhiên</i>		3	
	Bắt buộc			
1.1	001212	Xác suất thống kê	3 (3/0/3)	
2	<i>Pháp luật và Khoa học xã hội</i>		13	
2.1	005004	Pháp luật đại cương	2 (2/0/2)	
2.2	005105	Triết học Mác - Lênin	3 (3/0/3)	
2.3	005106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2 (2/0/2)	
2.4	005107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2/0/2)	
2.5	005108	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2 (2/0/2)	
2.6	005102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2/0/2)	
3	<i>Ngoại ngữ (theo Quyết định 670/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/9/2020)</i>			
3.1	006111	English A1.1	3(3,0,3)	
3.2	006112	English A1.2	3(3,0,3)	
3.3	006113	English A2.1	4(4,0,4)	
3.4	006114	English A2.2	4(4,0,4)	
3.5	006115	English B1.1	5(5,0,5)	
3.6	006116	English B1.2	5(5,0,5)	
3.7	006117	English B1.3	5(5,0,5)	
3.8	006118	English B1.4	5(5,0,5)	
4	<i>Tin học (theo Quyết định 1201/QĐ-ĐHGTVT ngày 31/12/2019)</i>		2	<i>Bắt buộc</i>
4.1	124012	Tin học cơ bản	2	CC
5	<i>Kỹ năng mềm</i>		2	<i>Bắt buộc</i>
5.1	022014	Kỹ năng mềm 1	1 (1/0/1)	
5.2	022015	Kỹ năng mềm 2	1 (1/0/1)	

2. Kiến thức nền tảng kỹ thuật/Kinh tế cốt lõi: 31 tín chỉ

- Bắt buộc: 31 tín chỉ
- Tự chọn: 0 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	<i>Kiến thức chung của nhóm ngành</i>			...
1.1	016401	Kinh tế vi mô	3 (3/0/3)	
1.2	016402	Kinh tế vĩ mô	3 (3/0/3)	
1.3	016001	Môi trường Hàng hải	2(2,0,2)	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1.4	016002	Khai thác - Thương vụ	2 (2/0/2)	
1.5	016003	Thiết bị kỹ thuật Hàng hải	4(4/0/4)	
2	<i>Kiến thức chung của ngành</i>			
2.1	016403	Tổng quan Logistics và chuỗi cung ứng	2 (2/0/2)	
2.2	016404	Thương mại điện tử	2 (2/0/2)	
2.3	016004	Luật hàng hải và công ước quốc tế	3 (3/0/3)	
2.4	016005	Thủy văn - công trình cảng	2 (2/0/2)	
2.5	016405	Hàng hóa thông thường và hàng hoá nguy hiểm	2 (2/0/2)	K.te
2.6	016006	Thực tập giữa khóa	4(4/0/4)	

3. Kiến thức chuyên ngành: 61 tín chỉ

- Bắt buộc: 53 tín chỉ
- Tự chọn: 8 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
3.1	016406	Kinh tế vận tải biển	2 (2/0/2)	
3.2	016407	Nghiệp vụ thuế	2 (2/0/2)	
3.3	016408	Pháp luật và nghiệp vụ khai báo hải quan	2 (2/0/2)	
3.4	016007	Khai thác và quản lý cảng container	3 (3/0/3)	
3.5	016008	Nghiệp vụ đại lý & môi giới hàng hải	2 (2/0/2)	
3.6	016409	logistic quốc tế	4(4/0/4)	
3.7	016410	Kinh tế cảng	3 (3/0/3)	
3.8	016009	Lập kế hoạch và điều độ vận tải	2 (2/0/2)	
3.9	016411	Luật vận tải biển	3 (3/0/3)	
4.0	016412	Logistics vận tải	4(4/0/4)	
4.1	016413	Giao nhận hàng hóa	3 (3/0/3)	
4.2	016010	Quản lý công tác xếp dỡ cảng	3 (3/0/3)	
4.3	016011	Bảo hiểm vận tải	2 (2/0/2)	
4.4	016414	Quản trị marketing	2 (2/0/2)	
4.5	016415	Quản lý và khai thác cảng tổng hợp	2 (2/0/2)	
4.6	016013	Quản lý và khai thác kho hàng	3 (3/0/3)	
4.7	016416	Logistic cảng biển	2 (2/0/2)	
4.8	016014	Thông tin liên lạc Hàng hải và cảng biển	3 (3/0/3)	
4.9	016417	Nghiệp vụ ngoại thương	3 (3/0/3)	
5.0	016015	Quản trị nhận sự	3 (3/0/3)	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Kiến thức chuyên ngành mở rộng (tự chọn – chọn 4 học phần bất kỳ): TC				
5.1	016418	Quản trị chất lượng	2 (2/0/2)	
5.2	016016	Marketing các dịch vụ HH	2 (2/0/2)	
5.3	016017	XD chiến lược kinh doanh cảng biển và đội tàu	2 (2/0/2)	
5.4	016012	Hệ thống quản lý giao thông HH	2 (2/0/2)	
5.5	016018	Quản lý dự án	2 (2/0/2)	
5.6	016419	Thị trường chứng khoán	2 (2/0/2)	
5.7	016420	Mô hình hệ thống logistics	2 (2/0/2)	
5.8	016019	Phân tích hoạt động kinh doanh	2 (2/0/2)	
5.9	016020	Quản trị rủi ro	2 (2/0/2)	
6.0	016021	Dịch vụ khách hàng	2 (2/0/2)	

4. Thực tập tốt nghiệp và làm khoá luận: 10 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
4.1	016022	Thực tập tốt nghiệp	5	BB
4.2	016023	Luận văn/Thi tốt nghiệp	5	
SV không làm luận văn tốt nghiệp học thay thế các học phần sau				
<i>Sinh viên không đủ điều kiện làm luận văn tốt nghiệp sẽ học bổ sung 02 học phần sau thuộc Kiến thức chuyên sâu và thi tốt nghiệp</i>				
4.3	016024	Hợp đồng trong quản lý Hàng hải	3	
4.4	016421	Quản trị dự án logistics và chuỗi cung ứng	2	

5. Kiến thức bổ trợ: (không tính điểm tích lũy vào chương trình học)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	<i>Giáo dục thể chất</i>		4	BB
5.1	004101	Lý thuyết giáo dục thể chất	1	CC
5.2	004105	Điền kinh	1	
5.3	004103	Bơi 1 (50m)	1	
5.4	004104	Bơi 2 (200m)	1	
5.5	004106	Bóng chuyền	1	
5.6	004107	Bóng đá	1	
5.7	004108	Bóng rổ	1	
5.8	004109	Bóng bàn	1	
5.9	004110	Cờ vua	1	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
2	<i>Giáo dục Quốc phòng và An ninh (theo Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020)</i>		165 tiết (8 TC)	BB
5.10	007201	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	45 tiết	CC
5.11	007202	Công tác quốc phòng và an ninh	30 tiết	
5.12	007203	Quân sự chung	30 tiết	
5.13	007204	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	60 tiết	
2	Kỹ năng mềm (chọn 4 trong 9 kỹ năng)		2	BB
3	<i>Ngoại ngữ bổ trợ (nếu chưa đạt tiếng Anh đầu vào) (theo Quyết định 670/QĐ-ĐHGTVT ngày 25/9/2020)</i>			Tự chọn
5.9	006111	English A1.1	3 (3,0,3)	
5.10	006112	English A1.2	3 (3,0,3)	
5.11	006113	English A2.1	4 (4,0,4)	
5.12	006114	English A2.2	4 (4,0,4)	
5.13	006115	English B1.1	5 (5,0,5)	
5.14	006116	English B1.2	5 (5,0,5)	
5.15	006117	English B1.3	5 (5,0,5)	
5.16	006118	English B1.4	5 (5,0,5)	

IV. KẾ HOẠCH HỌC TẬP

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	HP bắt buộc	HP tự chọn	HP học trước	HP tiên quyết	HP song hành	Tổng số tín chỉ
Học kỳ 1									13
1	016401	Kinh tế vi mô	3	X					
2	022014	Kỹ năng mềm 1	1	X					
3	016001	Môi trường Hàng hải	2	X					
4	005106	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	X					
5	005105	Triết học Mác - Lênin	3	X					
6	005004	Pháp luật đại cương	2	X					
Học kỳ 2									14
7	016402	Kinh tế vĩ mô	3	X					
8	016002	Khai thác - Thương vụ	2	X					

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	HP bắt buộc	HP tự chọn	HP học trước	HP tiên quyết	HP song hành	Tổng số tín chỉ
9	005107	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	X					
10	005108	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2	X					
11	022015	Kỹ năng mềm 2	1	X					
12	016003	Thiết bị kỹ thuật Hàng hải	4	X					
Học kỳ 3									14
13	016004	Luật hàng hải và công ước quốc tế	3	X					
14	005102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	X					
15	016403	Tổng quan Logistics và chuỗi cung ứng	2	X					
16	016404	Thương mại điện tử	2	X					
17	124012	Tin học cơ bản	2	X					
18	001212	Xác suất thống kê	3	X					
Học kỳ 4									17
19	016005	Thủy văn - công trình cảng	2	X					
20	016408	Pháp luật và nghiệp vụ khai báo hải quan	2	X					
21	016007	Khai thác và quản lý cảng container	3	X					
22	016406	Kinh tế vận tải biển	2	X					
23	016405	Hàng hóa thông thường và hàng hoá nguy hiểm	2	X					
24	016407	Nghiệp vụ thuế	2	X					
<i>Thực tập giữa khóa</i>									
25	016006	Thực tập giữa khóa	4	X					
Học kỳ 5									18
26	016008	Nghiệp vụ đại lý & môi giới hàng hải	2	x					
27	016409	logistic quốc tế	4	x					

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	HP bắt buộc	HP tự chọn	HP học trước	HP tiên quyết	HP song hành	Tổng số tín chỉ
28	016410	Kinh tế cảng	3	x					
29	016009	Lập kế hoạch và điều độ vận tải	2	x					
30	016411	Luật vận tải biển	3	x					
<i>Sinh viên lựa chọn 1 trong 3 học phần sau</i>									
31	016418	Quản trị chất lượng	2		X				
32	016016	Marketing các dịch vụ HH	2		X				
33	016017	Xây dựng chiến lược kinh doanh cảng biển và đội tàu	2		X				
Học kỳ 6									16
34	016412	Logistics vận tải	4	X					
35	016413	Giao nhận hàng hóa	3	X					
36	016010	Quản lý công tác xếp dỡ cảng	3	X					
37	016011	Bảo hiểm vận tải	2	X					
38	016414	Quản trị marketing	2	X					
<i>Sinh viên lựa chọn 1 trong 4 học phần sau</i>									
39	016012	Hệ thống quản lý giao thông hàng hải	2		X				
40	016018	Quản lý dự án	2		X				
41	016419	Thị trường chứng khoán	2		X				
42	016420	Mô hình hệ thống logistics	2		X				
Học kỳ 7									18
43	016415	Quản lý và khai thác cảng tổng hợp	2	X					
44	016013	Quản lý và khai thác kho hàng	3	X					
45	016416	Logistic cảng biển	2	X					
46	016014	Thông tin liên lạc Hàng hải và cảng biển	3	X					

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	HP bắt buộc	HP tự chọn	HP học trước	HP tiên quyết	HP song hành	Tổng số tín chỉ
47	016417	Nghiệp vụ ngoại thương	3	X					
48	016015	Quản trị nhận sự	3	X					
<i>Sinh viên lựa chọn 1 trong 3 học phần sau</i>									
49	016019	Phân tích hoạt động kinh doanh	2		X				
50	016020	Quản trị rủi ro	2		X				
51	016021	Dịch vụ khách hàng	2		X				
Học kỳ 8									10
52	016022	Thực tập tốt nghiệp	5	X					
53	016023	Luận văn tốt nghiệp/Thi tốt nghiệp	5	X					
<i>Sinh viên không đủ điều kiện làm luận văn tốt nghiệp sẽ học thay thế 02 học phần sau</i>									
54	016024	Hợp đồng trong quản lý Hàng hải	3		X				
55	016421	Quản trị dự án logistics và chuỗi cung ứng	2		X				
Tổng									120

Ghi chú: Đánh dấu X vào ô loại học phần tương ứng.

HP: học phần

52	016022	Thực tập tốt nghiệp			x	x	x												x	x	x	
53	016023	Luận văn tốt nghiệp/Thi tốt nghiệp				x													x	x	x	
54	016024	Hợp đồng trong quản lý Hàng hải				x	x	x														
55	016421	Quản trị dự án logistics và chuỗi cung ứng				x	x						x							x	x	x

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

TS. LÊ VĂN VANG

TRƯỞNG KHOA/VIỆN TRƯỞNG

(đã ký)

PGS.TS. VÕ CÔNG PHƯƠNG